

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-PT
Ngày 06-6-2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái

Các Thẩm phán: Ông Phùng Đức Chính

Bà Lương Thị Nguyệt

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Liễu Thị Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:** Ông Vi Đức Hoàn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024, về việc Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 07/2024/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 05/2024/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2024, Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 79/2024/QĐ-CA ngày 05/6/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Chu Lệ T, sinh năm 1992; nơi cư trú: Số *, đường N, khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Cao Đức D, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số *, ngõ B, đường T, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Hiện đang chấp hành án tại Phân trại số *, Trại giam H, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- **Người kháng cáo:** Anh Cao Đức D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Lệ T và anh Cao Đức D kết hôn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn ngày 11 tháng

01 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân bình thường. Đến năm 2019 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, thậm chí anh Cao Đức D còn đánh chị Chu Lệ T. Nguyên nhân do anh Cao Đức D không lo làm ăn, không hỗ trợ chị Chu Lệ T chăm sóc con cái mà mãi ăn chơi đua đòi, sa vào tệ nạn xã hội sử dụng trái phép chất ma túy, một mình chị Chu Lệ T phải làm ăn nuôi dạy các con, hai vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai vợ chồng không ai mong muốn hàn gắn tình cảm. Đến khoảng tháng 11 năm 2020 thì anh Cao Đức D bị đi chấp hành cai nghiện bắt buộc tại Trại cai nghiện ma túy tỉnh Lạng Sơn, thời gian 20 tháng. Sau khi cai nghiện xong anh Cao Đức D vẫn không chịu tu chí làm ăn, đến khoảng tháng 5 năm 2023 lại bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và phải đi chấp hành án 16 tháng. Xét thấy hôn nhân lâm vào tình trạng nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ngày 02/02/2024, chị Chu Lệ T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Cao Đức D. Quá trình giải quyết vụ án, anh Cao Đức D không đồng ý ly hôn do vẫn còn tình cảm với chị Chu Lệ T, anh muốn giải quyết việc ly hôn sau khi chấp hành án xong (sau tháng 9/2024), mong muốn được gặp trực tiếp chị Chu Lệ T để trao đổi cụ thể.

Về con chung: Có 02 con chung là cháu Cao Thế P, sinh ngày 21/02/2013 và cháu Cao Thanh L, sinh ngày 04/6/2017, hiện cả hai cháu đều đang ở với chị Chu Lệ T. Khi ly hôn cả chị Chu Lệ T và anh Cao Đức D đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con, không yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Chu Lệ T và anh Cao Đức D đều trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung.

Với nội dung trên, Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 07/2024/HNGĐ-ST ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 171; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Chu Lệ T ly hôn anh Cao Đức D.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 07, ngày 11/01/2013 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn).

2. Về con chung: Giao cho chị Chu Lệ T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung là cháu Cao Thế P, sinh ngày 21/02/2013 và cháu Cao Thanh L, sinh ngày 04/6/2017 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Cao Đức D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Cao Đức D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định, ngày 23/4/2024, anh Cao Đức D có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu được đoàn tụ với chị Chu Lệ T. Về con chung: Anh Cao Đức D yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai 02 con chung không yêu cầu chị Chu Lệ T phải cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung: Yêu cầu cấp phúc thẩm triệu tập chị Chu Lệ T có mặt tại phiên tòa để làm rõ về khoản nợ chung của hai vợ chồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Cao Đức D giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 28/5/2024, chị Chu Lệ T xin xét xử vắng mặt và không chấp nhận nội dung kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của anh Cao Đức D làm trong thời hạn luật định, nên kháng cáo là hợp lệ.

Xét kháng cáo thấy:

Đối với yêu cầu được đoàn tụ: Xét thấy hôn nhân giữa chị Chu Lệ T và anh Cao Đức D có phát sinh mâu thuẫn vợ chồng và đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Trong thời gian ly thân cả 2 đều không có biện pháp, giải pháp để hàn gắn tình cảm, không chăm lo vun đắp cho hạnh phúc vợ chồng. Bản thân anh Cao Đức D không lo làm ăn, không hỗ trợ trông nom, chăm sóc con, bản thân sử dụng trái phép chất ma túy. Tháng 11/2020 thì anh Cao Đức D bị đi chấp hành cai nghiện bắt buộc tại trại cai nghiện ma túy, thời hạn 20 tháng, sau khi cai nghiện xong anh Cao Đức D không tu chí làm ăn mà vẫn sa vào nghiện ngập, đến khoảng tháng 6/2023 lại bị bắt về tội tàng trữ trái phép chất ma túy và phải đi chấp hành án 16 tháng tại Trại giam H - Bộ Công an. Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định tình trạng hôn nhân của chị Chu Lệ T và anh Cao Đức D là mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu của chị Chu Lệ T xin ly hôn với anh Cao Đức D là có căn cứ; yêu cầu đoàn tụ của anh Cao Đức D là không có căn cứ, nên đề nghị không chấp nhận.

Đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị Chu Lệ T cấp dưỡng: Xét thấy bản thân anh Cao Đức D hiện đang phải chấp hành án phạt tù, không có nghề nghiệp, không có thu nhập; chị Chu Lệ T hiện sống cùng mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Thanh trình bày nhất trí cho chị Chu Lệ T và 02 con sống cùng nhà và trong quá trình chung sống sẽ hỗ trợ việc chăm sóc, đưa đón các cháu ăn học; cháu Cao Thế P (đã trên 7 tuổi), trình bày là cháu

đang sống cùng mẹ và em trai, không biết bố đi đâu, cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Mặt khác, để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của hai cháu, thì cần giao 2 cháu cho cha mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên anh Cao Đức D đang phải chấp hành án nên không có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc 2 cháu. Do vậy, việc giao các con cho chị Chu Lệ T (là mẹ đẻ) trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là có căn cứ và phù hợp. Yêu cầu được trực tiếp nuôi con của anh Cao Đức D là không có cơ sở để chấp nhận; về vấn đề cấp dưỡng, do cả hai anh chị đều không có yêu cầu nên Tòa sơ thẩm không xem xét giải quyết là có căn cứ.

Đối với yêu cầu Tòa phúc thẩm triệu tập chị Chu Lệ T có mặt tại phiên tòa để giải quyết nợ chung. Do quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định không có nợ chung, nên tòa sơ thẩm không giải quyết. Việc bị đơn yêu cầu giải quyết nợ chung tại phiên Tòa phúc thẩm là vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, nên không xem xét giải quyết, không chấp nhận yêu cầu.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Chu Lệ T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kháng cáo của anh Cao Đức D là không có căn cứ, không có cơ sở để chấp nhận;

Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Cao Đức D phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Cao Đức D, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 07/2024/HNGĐ-ST ngày 12/4/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phiên tòa được triệu tập lần thứ nhất, nguyên đơn chị Chu Lệ T vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn anh Cao Đức D yêu cầu được đoàn tụ với chị Chu Lệ T; về con chung anh Cao Đức D yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu chị Chu Lệ T phải cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu chị Chu Lệ T có mặt để giải quyết nợ chung của hai vợ chồng, thấy rằng:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Từ cuối năm 2020 anh Cao Đức D đi chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 20 tháng, đến ngày 22/9/2022 chấp hành xong. Sau khi chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc xong, đến tháng 6/2023 anh Cao Đức D tiếp tục chấp hành án phạt tù thời hạn 16 tháng về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện đang chấp hành án. Chị Chu Lệ T và anh Cao Đức D đã ly thân từ khi anh Cao Đức D đi chấp hành biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện đến nay. Trong thời gian ly thân cả 2 đều không có biện pháp, giải pháp để hàn gắn tình cảm, không chăm lo vun đắp cho hạnh phúc vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân lâm vào tình trạng nghiêm trọng,

đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tòa án sơ thẩm xử cho chị Chu Lệ T được ly hôn với anh Cao Đức D là có căn cứ. Yêu cầu đoàn tụ của anh Cao Đức D không có căn cứ chấp nhận. Đối với việc anh Cao Đức Duy yêu cầu sau khi chấp hành án xong mới giải quyết ly hôn, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quy định của pháp luật tố tụng dân sự Tòa án phải giải quyết vụ án khi đương sự có đơn yêu cầu, do đó không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về con chung: Do hiện nay anh Cao Đức D đang chấp hành án, không thể trực tiếp nuôi con. Chị Chu Lệ T hiện là lao động tự do, có chỗ ở ổn định tại nhà bố mẹ đẻ ở số *, đường N, khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; đủ điều kiện nuôi con. Tại bản khai, cháu Cao Thế P (đã trên 7 tuổi), trình bày là cháu đang sống cùng mẹ và em trai, không biết bố đi đâu, cháu có nguyện vọng ở với mẹ. Mặt khác, để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của hai cháu, thì cần giao 2 cháu cho cha mẹ thân sinh trực tiếp nuôi dưỡng, tuy nhiên anh hiện anh Cao Đức D đang phải chấp hành án nên không có điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc 2 cháu. Nên Tòa án sơ thẩm giao con cho chị Chu Lệ T trực tiếp nuôi con tại thời điểm giải quyết ly hôn là có căn cứ, hợp tình, hợp lý; anh Cao Đức D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con do chị Chu Lệ T không yêu cầu. Đối với nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của anh Cao Đức D, sau khi chấp hành xong án phạt tù, anh có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Đối với việc anh Cao Đức D yêu cầu chị Chu Lệ T có mặt để làm rõ về khoản nợ chung của hai vợ chồng: Tại bản tự khai ngày 15/3/2024, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Cao Đức D đều thừa nhận hai vợ chồng không có nợ chung, nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết. Việc bị đơn yêu cầu giải quyết nợ chung tại phiên tòa phúc thẩm là vượt quá phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Do đó, kháng cáo của anh Chu Đức Duy không có căn cứ chấp nhận. Trường hợp anh Cao Đức D chứng minh được có nợ chung của hai vợ chồng, có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Tại cấp phúc thẩm, anh Cao Đức D không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo đã đưa ra. Do đó, kháng cáo của anh Cao Đức D không được chấp nhận vì không có căn cứ pháp luật.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Cao Đức D phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Cao Đức D; giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 07/2024/HNGĐ-ST ngày 12-4-2024 của Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Về án phí phúc thẩm: Cao Đức D phải chịu án phí phúc thẩm là 300.000 đồng. Xác nhận anh Cao Đức D đã nộp đủ án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000214 ngày 25/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

3. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND TP. Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS thành phố L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lộc Sơn Thái